TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAN PHƯỢNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Bản án số: 17/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 20 - 6 - 2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Mạnh Hưng

Nghề nghiệp: Công chức

+ Bà Nguyễn Thị Chiều

Nghề nghiệp: Giáo viên nghỉ hưu

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Trí Tuân – Thẩm tra viên chính Toà án nhân dân huyện Đan Phượng

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội tham gia phiên to*à: Bà Nguyễn Thanh Dung - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đan Phượng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2024/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2024/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Số nhà 4, ngách 11/131 phố Phượng Tr, thị trấn Ph, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Tạ Văn H, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Số nhà 4, ngách 11/131 phố Phượng Tr, thị trấn Ph, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội; có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày: Chị và anh Tạ Văn H đăng kết hôn tại UBND thị trấn Ph vào ngày 22/3/2007, trên cơ sở tự nguyện. Trước khi kết hôn, chị và anh H có thời gian ngắn tìm hiểu nhau. Sau khi kết hôn, chị chung sống cùng bố mẹ đẻ anh H một thời gian thì ra ở riêng tại số nhà 4, ngách 11/131 phố Phượng Trì, thị trấn Phùng. Sau thời gian chung sống cùng nhau thì chị phát hiện anh H nghiện ma túy nên mọi chi phí sinh

hoạt hàng ngày đều do chị lo liệu. Chị cũng góp ý với anh H từ bỏ ma túy nhưng anh H không nghe, anh H có những lời lẽ xúc phạm và một số lần đánh chị. Cuối năm 2021, anh H chấp hành án phạt tù trở về thì anh H không thay đổi bản thân, vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ tình cảm, công việc với nhau nên mâu thuẫn vợ chồng càng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2024 đến nay. Chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên chị xin được ly hôn anh H.

- Về con chung: Chị và anh Tạ Văn H có 02 con chung là cháu Tạ Anh H1, sinh ngày 04/11/2007 và cháu Tạ Thiên B, sinh ngày 12/9/2012.

Chị nấu ăn cho trường mầm non thu nhập 4.000.000 đồng/tháng. Ngoài ra, gia đình chị có nghề làm bánh tẻ, đặt cho khách và chị bán hàng online thêm, tổng thu nhập hàng của chị khoảng 12.000.000 đồng đủ để chi phí cho các con và gia đình. Ly hôn chị đảm bảo nuôi được 02 con nhưng chị muốn anh H phải có trách nhiệm với con nên chị xin được nuôi cháu B, đề nghị giao anh H nuôi cháu H1.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về công nợ chung: Không có.

- Về công sức đóng góp: Không có

* Quá trình tham gia tố tụng bị đơn anh Tạ Văn H trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn như chị Th đã trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng được gia đình cho ra ở riêng bên cạnh thửa đất của bố mẹ anh. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân do vợ chồng không có sự đồng cảm mặc dù gia đình hai bên hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Vợ chồng sống ly thân. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh đã trầm trọng, khó có thể đoàn tụ được nhưng anh vẫn mong chị Th suy nghĩ lại, nếu chị Th kiên quyết ly hôn thì anh đồng ý.

- Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị Th có 02 con chung là cháu Tạ Anh Hào, sinh ngày 04/11/2007 và cháu Tạ Thiên Bảo, sinh ngày 12/9/2012. Hiện nay, cháu H1 và cháu B vẫn đang sinh sống cùng với anh và chị Th. Cháu H1 đã nghỉ học và đi làm, còn cháu B đang đi học. Ly hôn nếu các con mà muốn ở với anh thì anh đồng ý nuôi dưỡng, nếu các con muốn ở với chị Th và chị Th có nguyện vọng nuôi con thì anh cũng đồng ý.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có

- Về công sức đóng góp: Không có

Tại phiên toà: Chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cương quyết xin ly hôn anh H. Chị xin nuôi cháu Bảo không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, đồng ý nguyện vọng của cháu H1 xin ở với anh H. Chị giữ nguyên quan điểm về phần tài sản chung, nợ cũng như công sức đóng góp vào khối tài sản chung của gia đình vợ, gia đình chồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng tại phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật; việc cấp, tống đạt

các văn bản tố tụng cho đương sự, thu thập chứng cứ, tài liệu, thời hạn chuẩn bị xét xử được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà chấp hành đúng theo trình tự Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Tạ Văn H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Th cương quyết xin ly hôn anh H đồng ý. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình xử: Cho chị Th được ly hôn anh H. Chị Th, anh H xác định có 02 con chung là: Tạ Anh H1, sinh ngày 04/11/2007 và cháu Tạ Thiên B, sinh ngày 12/9/2012. Giao cháu B cho chị Th nuôi dưỡng, giao cháu H1 cho anh H nuôi dưỡng đến khi cháu H1, cháu B đến 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Chị Th và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị Th và anh H đều xác định không có tài sản chung, nợ cũng như công sức đóng góp với khối tài sản chung của gia đình vợ và gia đình chồng nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết. Chị Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Th khởi kiện anh Tạ Văn H; địa chỉ: Phố Phượng Tr, thị trấn Ph, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung. Theo quy định của pháp luật thì đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, anh H xin vắng mặt; chị Th có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Do vậy, Tòa án chỉ tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; không tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt anh H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 207, Điều 208, khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Th xin được ly hôn với anh H.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Th, anh H đăng ký kết hôn vào năm 2007 tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Ph, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội trên cơ sở tự nguyện là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị Th, anh H chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: Cả chị Th và anh H đều xác định vợ không có tiếng nói chung, không quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2024 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị Th và anh H đã đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Th cương quyết xin ly hôn thì anh H đồng ý. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th, xử cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Tạ Văn H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Xét yêu cầu của chị Th xin được nuôi cháu Tạ Thiên Bảo; giao anh H nuôi cháu Tạ Văn Hào.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Th, anh H xác định có hai con chung là: Cháu Tạ Anh H1, sinh ngày 04/11/2007 và cháu Tạ Thiên B, sinh ngày 12/9/2012. Chị Th xin nuôi cháu Bảo, anh H tôn trọng nguyện vọng các con muốn ở với bố hay với mẹ

thì anh H đồng ý. Xét thấy, nguyện vọng của cháu Hào xin ở với bố và cháu Bảo xin ở với mẹ đều phù hợp với yêu cầu của chị Th và anh H. Để đảm bảo quyền lợi của con cần giao cháu H1 cho anh H nuôi dưỡng, giao cháu B cho chị Th nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Chị Th và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[4] Về tài sản chung, nợ và công sức đóng góp và khối tài sản chung của gia đình vợ, gia đình chồng: Chị Th và anh H xác định không có nên Hội đồng xét xử không phải xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th. Cho chị Nguyễn Thị Th ly hôn anh Tạ Văn H.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Th, anh Tạ Văn H xác định có 02 con chung là: Cháu Tạ Anh H1, sinh ngày 04/11/2007 và cháu Tạ Thiên B, sinh ngày 12/9/2012. Giao: Anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tạ Anh H1, giao chị Th trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tạ Thiên B, đến khi cháu H1 và cháu B đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Chị Th và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị Th và anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ và công sức đóng góp vào khối tài sản chung của gia đình vợ, gia đình chồng: Không có

4. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị Th phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0010188 ngày 08/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

5. Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Chị Nguyễn Thị Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh Tạ Văn H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Thị Thu

Nơi nhận
- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Đan Phượng;
- Chi cục THADS huyện Đan Phượng;
- UBND thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng (Giấy CNKH số 17 ngày 22/3/2007);
- Các đương sự;
- Lưu HS.